

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
THÔNG TIN CHUNG	1
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh các báo cáo tài chính	11 - 37

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 18 tháng 10 năm 1999, sổ Đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 1999 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 04/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 8 tháng 4 năm 2000.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu Đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương; một chi nhánh tại số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; một chi nhánh tại tầng 3, số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Văn Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Huỳnh Quế Hà	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Văn Dành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Trần Thiện Thế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Chang Ya Wen	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Wu Jin Tang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Carol Chao - Tse Yang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Bùi Thị Hồng Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thiện Thế	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Chung Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Huỳnh Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 1999

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Thiện Thế - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Trần Thiện Thế
Tổng Giám Đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2013



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty"), được trình bày từ trang 4 đến trang 37 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc đúng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV

Reynolds

Nguyễn Chí Cương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1103/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-CTCK

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		405.884.456.550	341.936.451.970
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	242.966.419.901	176.255.083.083
111	1. Tiền		83.237.190.542	60.355.083.083
112	2. Các khoản tương đương tiền		159.729.229.359	115.900.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		65.044.639.730	68.107.711.910
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	84.820.690.450	96.108.966.190
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7	(19.776.050.720)	(28.001.254.280)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8	95.184.901.332	95.003.561.808
132	1. Trả trước cho người bán		3.360.866.000	360.866.000
135	2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		8.970.448.085	2.539.586.433
138	3. Các khoản phải thu khác		88.619.436.751	98.190.742.818
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8.2	(5.765.849.504)	(6.087.633.443)
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.688.495.587	2.570.095.169
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		592.448.156	466.084.965
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18.1	1.937.042.871	1.937.042.871
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		159.004.560	166.967.333
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		71.521.115.181	73.747.677.553
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		12.392.971.053	15.074.583.151
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	10.167.547.387	11.400.776.873
222	- Nguyên giá		24.619.041.997	24.583.374.497
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.451.494.610)	(13.182.597.624)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	2.225.423.666	3.673.806.278
228	- Nguyên giá		7.241.913.031	7.241.913.031
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.016.489.365)	(3.568.106.753)
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		53.261.004.600	53.261.004.600
258	1. Đầu tư dài hạn khác	6.2	53.261.004.600	53.261.004.600
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.867.139.528	5.412.089.802
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		85.485.849	213.714.597
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	5.781.653.679	5.198.375.205
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		477.405.571.731	415.684.129.523

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-CTCK

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		146.016.227.785	117.414.820.645
310	I. Nợ ngắn hạn		144.016.227.785	115.414.820.645
312	1. Phải trả người bán		121.130.000	289.440.080
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	115.562.428	113.834.122
315	3. Phải trả người lao động		427.189.943	404.459.998
320	4. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13	63.784.508.243	37.462.179.982
321	5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		51.736	51.736
322	6. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		203.485.442	198.880.602
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.796.445.710	1.060.485.970
328	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	76.567.854.283	75.885.488.155
330	II. Nợ dài hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
339	1. Dự phòng bồi thường thiệt hại nhà đầu tư		2.000.000.000	2.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		331.389.343.946	298.269.308.878
410	I. Vốn chủ sở hữu		331.389.343.946	298.269.308.878
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		924.317.200	924.317.200
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.508.106.422	5.764.946.682
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		7.219.927.083	5.476.767.343
420	5. Lợi nhuận (lỗ lũy kế) chưa phân phối		15.736.993.241	(13.896.722.347)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		477.405.571.731	415.684.129.523

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	62.046.000.000	62.046.000.000
003	3. Tài sản nhận ký cược	-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
005	5. Ngoại tệ các loại	30.348.270	20.521.146
006	6. Chứng khoán lưu ký	1.243.120.060.000	1.187.395.330.000
	Trong đó:		
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	1.128.328.150.000	1.137.932.940.000
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	43.242.550.000	44.425.050.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	947.663.640.000	999.305.620.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	137.421.960.000	94.202.270.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	24.018.640.000	24.518.580.000
014	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	24.018.640.000	24.518.580.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	48.157.910.000	11.940.000.000
019	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	48.157.910.000	11.940.000.000
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ	-	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	42.549.200.000	11.701.600.000
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	245.200.000	458.000.000
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	40.213.000.000	10.154.600.000
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	2.091.000.000	1.089.000.000
032	6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	66.160.000	1.302.210.000
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	1.350.000
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	66.160.000	1.286.580.000
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	14.280.000
042	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	-	-
047	6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

VNĐ

050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	107.319.970.000	83.525.830.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	99.130.970.000	79.280.830.000
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	6.469.350.000	4.043.940.000
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	75.635.890.000	58.401.950.000
054	7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	17.025.730.000	16.834.940.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	70.000.000	70.000.000
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	70.000.000	70.000.000
061	7.3. Chứng khoán cầm cố	5.240.000.000	910.000.000
063	7.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	5.240.000.000	910.000.000
066	7.4. Chứng khoán tạm giữ	-	-
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	26.000.000	412.000.000
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	10.000.000
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	26.000.000	402.000.000
076	7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	2.853.000.000	2.853.000.000
078	7.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	2.853.000.000	2.853.000.000
081	7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	-
084	10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	-	-

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
01	1. Doanh thu		55.418.910.827	45.934.099.810
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		12.768.033.489	9.571.702.154
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		18.126.890.480	13.563.238.027
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	-
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	57.080.904
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		351.630.000	560.182.000
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		9.000.000	138.680.195
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	-
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	-
01.9	Doanh thu khác	15	24.163.356.858	22.043.216.530
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		55.418.910.827	45.934.099.810
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	16	(11.953.513.260)	(47.975.641.534)
20	5. Lợi nhuận (lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh		43.465.397.567	(2.041.541.724)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	(8.602.202.759)	(15.283.179.869)
30	7. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		34.863.194.808	(17.324.721.593)
31	8. Thu nhập khác		-	225.836.297
32	9. Chi phí khác		-	-
40	10. Lợi nhuận khác		-	225.836.297
50	11. Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế		34.863.194.808	(17.098.885.296)
51	12. Thuế TNDN hiện hành	18.1	-	-
52	13. Thuế TNDN hoãn lại	18.2	-	-
60	14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		34.863.194.808	(17.098.885.296)
70	15. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	19.3	1.162	(570)

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiên Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận (lỗ) trước thuế		34.863.194.808	(17.098.885.296)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản	9,10		
03	- Khấu hao TSCĐ và phân bổ		2.717.279.598	4.486.363.292
05	- Các khoản dự phòng		(8.546.987.499)	7.857.612.398
08	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(36.593.539.848)	(27.826.836.374)
09	3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(7.560.052.941)	(32.581.745.980)
10	- Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.180.988.372	(3.899.548.725)
11	- (Tăng) giảm đầu tư ngắn hạn		(35.033.508.199)	21.958.709.325
12	- (Giảm) tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		26.865.447.400	(20.056.648.356)
16	- Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.865.557	(65.832.412)
20	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.200.000)	(764.171.520)
	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(14.552.459.811)	(35.409.237.668)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	9	(35.667.500)	(176.159.600)
25	2. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	(12.138.284.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		35.299.464.129	27.826.836.374
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		35.263.796.629	15.512.392.774
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		20.711.336.818	(19.896.844.894)
60	Tiền và các khoản tương đương đầu năm		151.255.083.083	171.151.927.977
70	Tiền và các khoản tương đương cuối năm	4	171.966.419.901	151.255.083.083

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

QNA

Người lập:

Người phê
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

chỉ duyệt:

Bùi Thị Hồng Tuyến
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 18 tháng 10 năm 1999, và sổ Đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 1999, và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 04/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 08 tháng 4 năm 2000.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương; một chi nhánh tại số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; một chi nhánh tại tầng 3, số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn Điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng Việt Nam.

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 57 người (31 tháng 12 năm 2011: 58 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") được lập theo Chế độ Kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1).
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2).
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3).
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên 6 tháng đến dưới một 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định hữu hình vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm tin học và các ứng dụng	3 - 15 năm

3.6 Thuê tài sản

Các tài sản thuê hoạt động không được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán và tiền thuê phải trả được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.8.1 Chứng khoán thương mại

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
p

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

3.8.2 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

3.9 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

3.9.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư chứng khoán dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo hướng dẫn của Thông tư số 100/2004/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2004.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết khác thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu 3 công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

3.9.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn khác được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Lợi ích của nhân viên

3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.11.2 Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

3.11.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân có loại trừ dự phòng đã trích lập của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

3.14 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn đầu tư tự doanh.

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.16 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ đầu tư phát triển	5% vốn điều lệ	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% vốn điều lệ	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	31/12/2012	31/12/2011
Tiền mặt	881.440.907	1.052.836.320
Tiền gửi ngân hàng	82.132.010.695	59.083.488.847
Trong đó:		
- Tiền gửi của công ty	18.363.305.950	22.753.723.856
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	63.768.704.745	36.329.764.991
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	207.935.442	203.330.602
Tiền ủy thác đầu tư	15.803.498	15.427.314
	83.237.190.542	60.355.083.083
Các khoản tương đương tiền	159.729.229.359	115.900.000.000
Tổng cộng	242.966.419.901	176.255.083.083

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 13 tháng với lãi suất được hưởng từ 9,00% - 11,00%/năm. Theo điều khoản hợp đồng, Công ty có thể rút các khoản tiền gửi trên trước hạn với lãi suất không kỳ hạn.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương bao gồm các khoản sau:

	VNĐ	
	31/12/2012	31/12/2011
Tiền	83.237.190.542	60.355.083.083
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	88.729.229.359	90.900.000.000
Tổng cộng	171.966.419.901	151.255.083.083

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (cổ phiếu)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ)
1. Của Công ty		
Cổ phiếu	5.549.322	91.871.536.100
2. Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	563.037.064	6.315.029.059.300
Tổng cộng	568.586.386	6.406.900.595.400

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	31/12/2012	31/12/2011
Đầu tư ngắn hạn	84.820.690.450	96.108.966.190
- Cổ phiếu niêm yết	77.234.999.680	92.007.694.090
- Cổ phiếu chưa niêm yết	7.585.690.770	4.101.272.100
Đầu tư dài hạn khác	53.261.004.600	53.261.004.600
Tổng cộng	138.081.695.050	149.369.970.790

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.1 Đầu tư ngắn hạn

Chi tiêu	Số lượng (cổ phiếu)		Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)		So với giá thị trường (VNĐ)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	Tăng		Giảm	
					31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Cổ phiếu niêm yết	4.348.775	4.529.704	77.234.999,680	92.007.694,090	2.165.639,570	-	(17.184.902,650)	(27.894.389,180)
Công ty Khoáng sản và Xây Dựng BD (KSB)	690.747	372.323	19.188.671,480	19.678.665,090	-	-	(6.340.777,280)	(5.865.481,790)
Công ty CP Gạch ngói Cao cấp M&C (MCC)	706.402	685.502	10.381.172,600	10.103.782,600	-	-	(1.763.068,200)	-
Công ty CP Bê tông Becamex (ACC)	430.003	621.673	9.007.029,700	13.025.115,000	2.044.047,400	-	-	(1.835.001,000)
Công ty CP Dược Cửu Long (DCL)	447.400	139.310	8.350.108,000	6.718.203,000	-	-	(3.876.108,000)	(1.736.967,000)
Công ty CP Đá Núi Nhỏ (NNC)	166.180	197.703	6.339.452,080	7.546.216,000	-	-	(390.208,080)	(1.555.906,000)
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 (HT1)	741.908	899.287	5.726.275,750	8.196.019,160	-	-	(2.684.452,950)	(5.588.086,860)
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (DPM)	136.000	155.050	4.820.476,830	4.934.423,150	48.323,170	-	-	(1.244.233,150)
Công ty CP Xây dựng và Giao thông Bình Dương (BCE)	423.215	553.684	4.469.055,145	6.088.798,985	-	-	(998.682,145)	(2.102.202,185)
Công ty CP Dịch vụ - Du lịch Dầu khí (PET)	195.001	248.004	2.880.433,410	4.588.341,470	-	-	(442.920,910)	(1.612.293,470)
Công ty CP Cơ Điện Lạnh (REE)	94.008	20.005	1.575.615,860	331.609,010	-	-	(15.083,060)	(105.552,510)
Công ty CP Gao Su Phước Hòa (PHR)	37.000	23.000	1.139.250,700	785.230,520	-	-	(99.550,700)	(182.630,520)
Công ty CP Nhà Bã Rịa - Vũng Tàu (HDC)	23.460	20.400	721.182,330	721.182,330	-	-	(385.704,330)	(366.222,330)
Cổ phiếu niêm yết khác	257.451	413.756	2.636.275,795	9.290.107,775	73.269,000	-	(188.336,995)	(5.699.812,365)
Cổ phiếu chưa niêm yết	646.935	363.994	7.585.690,770	4.101.272,100	7.500	-	(2.591.148,070)	(106.865,100)
Công ty CP Khoáng sản Becamex	320.713	315.913	3.744.922,300	3.681.873,000	-	-	(601.934,900)	-
Công ty CP Phát triển Đô thị - Becamex UDJ	234.300	48.000	1.977.287,200	418.699,800	-	-	(126.317,200)	(106.699,800)
Công ty CP Du lịch Quốc tế Vũng Tàu	51	51	459.000	459.000	-	-	(51.000)	-
Công ty CP Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải	56	-	701.800	-	-	-	(629.000)	-
Công ty CPCK Chợ lớn	20	20	163.800	163.800	-	-	(113.800)	(107.800)
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	10	-	40.500	-	7.500	-	-	-
Công ty CP Vitality	10	10	76.500	76.500	-	-	(62.500)	-
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	91.775	-	1.862.039,670	-	-	-	(1.862.039,670)	-
Tổng cộng	4.995.710	4.893.698	84.820.690,450	96.108.966,190	2.165.647,070	-	(19.776.050,720)	(28.001.254,280)
							67.210.286,800	68.107.711,910

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Đầu tư dài hạn khác

Chỉ tiêu	Số lượng (cổ phiếu)		Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Bình Dương	1.579.857	1.579.857	17.218.284.000	17.218.284.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hưng Vương	880.000	880.000	8.800.000.000	8.800.000.000
Công ty Cổ phần Bột mì Bình An	533.333	533.333	7.920.000.000	7.920.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Bình Dương	367.000	367.000	5.481.420.600	5.481.420.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	200.000	200.000	4.520.000.000	4.520.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	181.900	181.900	3.273.100.000	3.273.100.000
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	200.000	200.000	2.100.000.000	2.100.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương	300.001	300.001	1.701.660.000	1.701.660.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	100.000	100.000	1.160.000.000	1.160.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	85.400	85.400	862.540.000	862.540.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	11.200	11.200	224.000.000	224.000.000
Tổng cộng	4.438.691	4.438.691	53.261.004.600	53.261.004.600

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

VND

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Cổ phiếu niêm yết	17.184.902.650	27.894.389.180
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.591.148.070	106.865.100
Tổng cộng	<u>19.776.050.720</u>	<u>28.001.254.280</u>

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá trong năm như sau:

VND

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Dự phòng giảm giá đầu năm	28.001.254.280	26.231.275.325
Dự phòng trích lập trong năm	2.123.859.040	30.214.961.805
Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(10.349.062.600)</u>	<u>(28.444.982.850)</u>
Dự phòng giảm giá cuối năm	<u>19.776.050.720</u>	<u>28.001.254.280</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

8.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

Chi tiêu	31/12/2011		Số phát sinh trong năm				31/12/2012			VNĐ
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng	
1. Trả trước cho người bán	360.866.000	-	-	3.090.000.000	(90.000.000)	3.360.866.000	-	-	-	
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.539.586.433	-	-	646.733.003.979	(640.302.142.327)	8.970.448.085	-	-	-	
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	2.539.586.433	-	-	646.733.003.979	(640.302.142.327)	8.970.448.085	-	-	-	
3. Các khoản phải thu khác	98.190.742.818	-	6.087.633.443	44.092.765.718	(53.664.071.785)	88.619.436.751	-	5.765.849.504	5.765.849.504	
- Tài trợ giao dịch chứng khoán (*)	20.021.773.135	-	893.633.443	10.556.871.247	(17.582.776.959)	12.995.867.423	-	820.978.257	820.978.257	
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh (**)	72.074.225.921	-	-	3.683.730.975	(6.576.518.809)	69.181.438.087	-	-	-	
- Phải thu nhân viên	5.194.000.000	-	5.194.000.000	-	(249.128.753)	4.944.871.247	-	4.944.871.247	4.944.871.247	
- Lãi tiền gửi ngân hàng	856.177.778	-	-	1.702.153.496	(1.264.255.555)	1.294.075.719	-	-	-	
- Các khoản phải thu khác	44.565.984	-	-	28.150.010.000	(27.991.391.709)	203.184.275	-	-	-	
Tổng cộng	101.091.195.251	-	6.087.633.443	693.915.769.697	(694.056.214.112)	100.950.750.836	-	5.765.849.504	5.765.849.504	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

8.1 Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Tài trợ giao dịch chứng khoán là hình thức hợp tác đầu tư chứng khoán của Công ty và khách hàng. Theo đó, Công ty sẽ nhận lại đủ phần góp vốn và thu nhập là giá trị theo phần trăm (%) trên phần vốn góp trên theo thời hạn thực tế. Đồng thời, Công ty phong toả các chứng khoán tại tài khoản giao dịch của khách hàng mà Công ty và khách hàng đã hợp tác đầu tư và các chứng khoán là tài sản đảm bảo cho hình thức hợp tác đầu tư chứng khoán. Hiện nay, tỷ lệ thu nhập mà Công ty được hưởng tính trên phần trăm (%) góp vốn là từ 13,00% - 16,00%/năm.

(**) Bao gồm trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh là các khoản sau:

- Các chứng khoán với giá trị 62.046 triệu đồng mà Công ty đã tiến hành đầu tư theo ủy quyền của một tổ chức kinh tế.
- Số tiền còn lại sau khi trừ các khoản tiền chuyển vào và đã nhận lại của Công ty trong kỳ theo các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán với các tổ chức kinh tế. Theo các hợp đồng này, Công ty được ủy quyền toàn bộ trong việc thực hiện các giao dịch gồm: quyết định mua, bán chứng khoán, nộp tiền, rút tiền vào tài khoản giao dịch.

8.2 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VNĐ	
	31/12/2012	31/12/2011
Số dư đầu kỳ	6.087.633.443	-
Số trích lập trong kỳ	-	6.441.844.108
Số hoàn nhập trong kỳ	(321.783.939)	(354.210.665)
Số dư cuối kỳ	5.765.849.504	6.087.633.443

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng	VNĐ
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	12.860.482.059	8.146.833.716	2.880.200.925	695.857.797	24.583.374.497	
Mua trong năm	-	35.667.500	-	-	35.667.500	
Số dư cuối năm	12.860.482.059	8.182.501.216	2.880.200.925	695.857.797	24.619.041.997	
Hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	2.791.416.342	7.983.982.265	1.811.949.484	595.249.533	13.182.597.624	
Hao mòn trong năm	514.299.288	159.837.446	526.296.948	68.463.304	1.268.896.986	
Số dư cuối năm	3.305.715.630	8.143.819.711	2.338.246.432	663.712.837	14.451.494.610	
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	10.069.065.717	162.851.451	1.068.251.441	100.608.264	11.400.776.873	
Tại ngày cuối năm	9.554.766.429	38.681.505	541.954.493	32.144.960	10.167.547.387	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ
	<i>Phần mềm tin học và các ứng dụng</i>
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	7.241.913.031
Số dư cuối năm	7.241.913.031
Hao mòn lũy kế:	
Số dư đầu năm	3.568.106.753
Hao mòn trong năm	1.448.382.612
Số dư cuối năm	5.016.489.365
Giá trị còn lại:	
Tại ngày đầu năm	3.673.806.278
Tại ngày cuối năm	2.225.423.666

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các trung tâm giao dịch chứng khoán.

Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định số 17/2005/QĐ-TTLK ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi trung tâm giao dịch chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.025.454.561	5.007.343.079
Lãi nhận được	636.199.118	71.032.126
	5.781.653.679	5.198.375.205

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm
Thuế thu nhập nộp hộ nhà đầu tư	66.004.881	1.612.620.378	(1.593.728.181)	84.897.078
Thuế thu nhập cá nhân	1.776.254	176.396.097	(171.130.631)	7.041.720
Thuế giá trị gia tăng	46.052.987	445.263.349	(467.692.706)	23.623.630
Thuế môn bài	-	5.461.570	(5.461.570)	-
	113.834.122	2.239.741.394	(2.238.013.088)	115.562.428

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2012	VNĐ 31/12/2011
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	63.768.704.745	36.329.764.991
Phải trả cho người ủy thác đầu tư	15.803.498	1.132.414.991
	63.784.508.243	37.462.179.982

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	VNĐ 31/12/2011
Các hợp đồng hợp tác kinh doanh	74.102.077.500	74.102.077.500
Phải trả hộ cổ tức	1.778.190.877	1.289.346.015
Phí môi giới chứng khoán	254.923.360	258.762.880
Kinh phí công đoàn	224.081.113	190.635.328
Phải trả phải nộp khác	208.581.433	44.666.432
Tổng cộng	76.567.854.283	75.885.488.155

Phải trả theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh là các khoản phải trả cho một tổ chức kinh tế, trong đó bao gồm 12 tỷ đồng Công ty phải trả khoản thu nhập cố định hàng tháng là từ 12,00% - 15%/năm.

15. DOANH THU KHÁC

	Năm 2012	VNĐ Năm 2011
Lãi tiền gửi ngân hàng	18.466.649.368	15.653.560.939
Phí thu từ hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	3.180.481.762	5.082.251.965
Phí thu từ hoạt động tài trợ chứng khoán	1.279.490.016	595.158.351
Phí quản lý tài khoản vay cầm cố	777.783.936	378.651.781
Doanh thu khác	458.951.776	333.593.494
Tổng cộng	24.163.356.858	22.043.216.530

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2012	VNĐ Năm 2011
Chi phí nhân viên	4.243.387.227	3.624.587.639
Chi phí bằng tiền	3.626.819.590	2.806.181.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.116.112.158	3.590.006.091
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.913.698.854	1.448.892.728
Chi phí hoạt động lưu ký	945.955.416	1.041.485.794
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	62.006.710	31.597.649.535
Chi phí hoạt động tư vấn	9.282.090	45.160.181
Chi phí khác	2.681.155.005	2.051.699.249
	15.598.417.050	46.205.662.579
Hoàn nhập (dự phòng) giảm giá đầu tư chứng khoán	(3.644.903.790)	1.769.978.955
Tổng cộng	11.953.513.260	47.975.641.534

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nhân viên quản lý	2.364.063.174	1.863.089.597
Chi phí khấu hao tài sản cố định	601.167.440	768.128.453
Chi phí dịch vụ mua ngoài	393.545.717	318.239.286
Chi phí khác bằng tiền	5.243.426.428	6.246.089.090
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	6.087.633.443
Tổng cộng	8.602.202.759	15.283.179.869

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

18.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 25% lợi nhuận tính thuế trong năm. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được ước tính dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được ước tính như sau:

	VNĐ	
	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế	34.863.194.808	(17.098.885.296)
<i>Cộng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	15.173.828.322	-
<i>Trừ:</i>		
- Thu nhập cổ tức	(13.510.873.550)	(12.173.275.435)
Lợi nhuận (lỗ) tính thuế	36.526.149.580	(29.272.160.731)
Lỗi năm trước chuyển sang	(36.526.149.580)	-
Tổng thu nhập tính thuế	-	-
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN nộp thừa đầu năm	(1.937.042.871)	(1.937.042.871)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN nộp thừa cuối năm	(1.937.042.871)	(1.937.042.871)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

18.2 Chuyển lỗ

Theo qui định thuế hiện hành. Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản lỗ tính thuế mang sang là 2.896.170.674 đồng có thể bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng đến ngày 31/12/2012	Số không được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 31/12/2012
2010	2015	(10.150.159.523)	10.150.159.523	-	-
2011	2016	(29.272.160.731)	26.375.990.057	-	(2.896.170.674)
		(39.422.320.254)	36.526.149.580	-	(2.896.170.674)

18.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai là 2.896.170.674 đồng. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế này là 724.042.669 đồng do Công ty chưa chắc chắn về khả năng Công ty sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế để sử dụng tài sản thuế này trong tương lai.

19. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

19.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Các cổ đông chiến lược	Bán chứng khoán	5.136.359.600
	Mua chứng khoán	2.739.911.000
	Cổ tức nhận được	2.453.668.900
	Phí tư vấn	80.000.000
	Cổ tức trả hộ	21.225.000
Các công ty con của công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Mua chứng khoán	2.274.263.000
	Bán chứng khoán	2.011.071.300
	Phí tư vấn	60.000.000
	Cổ tức nhận được	10.005.500
	Cổ tức trả hộ	2.726.900

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lương và thưởng	1.669.700.724	1.599.395.904

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

VNĐ

Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải trả
Các cổ đông chiến lược	Cổ tức trả hộ	141.084.550
Các công ty con của công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Cổ tức trả hộ	395.520.465

19.2 Các cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang ký kết hợp đồng thuê hoạt động của văn phòng chi nhánh Hà Nội tại số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Đến 1 năm	313.419.744	313.570.224
Trên 1 đến 5 năm	940.259.232	1.567.851.120
Tổng cộng	1.253.678.976	1.881.421.344

19.3 Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	34.863.194.808	(17.098.885.296)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.162	(570)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty thực hiện khung quản lý rủi ro toàn diện như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn, và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 vì đa phần các khoản vay trong năm có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch ký quỹ) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên bảng điểm xếp hạng tín dụng chi tiết và hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm hợp đồng hợp tác đầu tư.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	VNĐ			
	Bất cứ thời điểm nào	Đến 3 tháng	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	121.130.000	-	-	121.130.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	63.784.508.243	-	-	63.784.508.243
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	51.736	-	-	51.736
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	203.485.442	-	-	203.485.442
Các khoản phải trả, phải nộp khác khác	2.465.776.783	74.102.077.500	-	76.567.854.283
	66.574.952.204	74.102.077.500	-	140.677.029.704
Số đầu năm				
Phải trả người bán	289.440.080	-	-	289.440.080
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	37.462.179.982	-	-	37.462.179.982
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	51.736	-	-	51.736
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	198.880.602	-	-	198.880.602
Các khoản phải trả, phải nộp khác khác	1.783.410.655	74.102.077.500	-	75.885.488.155
	39.733.963.055	74.102.077.500	-	113.836.040.555

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không cầm cố, thế chấp dưới dạng hình thức nào cho các khoản nợ vào ngày lập báo cáo này.

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính kèm theo.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn.
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▪ Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn.
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như tình hình thị trường và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Giá trị hợp lý của công cụ chưa được niêm yết, các khoản vay ngân hàng và các nợ phải trả tài chính khác được ước tính bằng cách tham khảo các nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy trên thị trường.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư được xếp vào tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
- Cổ phiếu niêm yết	60.050.097.030	64.113.304.910	62.215.736.600	64.113.304.910	
- Cổ phiếu chưa niêm yết	4.994.542.700	3.994.407.000	4.994.550.200	3.994.407.000	
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán					
- Cổ phiếu chưa niêm yết	53.261.004.600	53.261.004.600	(*)	(*)	(*)
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	8.970.448.085	2.539.586.433	8.970.448.085	2.539.586.433	
Các khoản phải thu khác	82.853.587.247	92.103.109.375	(*)	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	242.966.419.901	176.255.083.083	242.966.419.901	176.255.083.083	
Tổng cộng	453.096.099.563	392.266.495.401			
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả người bán	121.130.000	289.440.080	(*)	(*)	(*)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	63.784.508.243	37.462.179.982	(*)	(*)	(*)
Phải trả hồ sơ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	51.736	51.736	51.736	51.736	
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	203.485.442	198.880.602	203.485.442	198.880.602	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	76.567.854.283	75.885.488.155	(*)	(*)	(*)
Tổng cộng	140.677.029.704	113.836.040.555			

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính này không thể xác định do các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

